

Phụ lục
Danh sách các học phần thạc sĩ tích hợp

(Ban hành kèm theo Thông báo số 1326/TB - ĐHKT ngày 27/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQĐN)

I. Chương trình tích hợp Cử nhân - Thạc sĩ (định hướng nghiên cứu)

TT	Học phần thạc sĩ tích hợp					Học phần được xét miễn học, công nhận, chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo đại học			
	CTĐT thạc sĩ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến trong CTĐT đại học	CTĐT đại học	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ
1	Quản trị kinh doanh	RMD5001N	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	5	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành Ngoại thương)	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
2	Quản trị kinh doanh	HRM5001N	Hành vi tổ chức	3	3	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành Ngoại thương)	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
3	Quản trị kinh doanh	FIN5009N	Quản trị tài chính	3	6	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành Ngoại thương)	FIN3004	Tài chính công ty	3
4	Quản trị kinh doanh	IBS5002N	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	4	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành Ngoại thương)	IBS3005	Quản trị kinh doanh quốc tế	3
5	Quản trị kinh doanh	MGT5006N	Quản trị chiến lược	3	5	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành Ngoại thương)	IBS3006	Quản trị chiến lược toàn cầu	3
6	Quản trị kinh doanh	RMD5001N	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	5	Quản trị kinh doanh	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
7	Quản trị kinh doanh	FIN5009N	Quản trị tài chính	3	6	Quản trị kinh doanh	FIN3006	Quản trị tài chính	3
8	Quản trị kinh doanh	MKT5002N	Quản trị marketing	3	5	Quản trị kinh doanh	MKT3001	Quản trị marketing	3
9	Quản trị kinh doanh	IBS5002N	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	4	Quản trị kinh doanh	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
10	Quản trị kinh doanh	HRM5001N	Hành vi tổ chức	3	3	Quản trị kinh doanh	HRM2001	Hành vi tổ chức	3

TT	Học phần thạc sĩ tích hợp					Học phần được xét miễn học, công nhận, chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo đại học			
	CTĐT thạc sĩ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến trong CTĐT đại học	CTĐT đại học	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ
11	Quản trị kinh doanh	HRM5001N	Hành vi tổ chức	3	3	Quản trị nhân lực	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
12	Quản trị kinh doanh	IBS5002N	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	4	Quản trị nhân lực	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
13	Quản trị kinh doanh	RMD5001N	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	5	Quản trị nhân lực	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
14	Quản trị kinh doanh	MGT5006N	Quản trị chiến lược	3	5	Quản trị nhân lực	MGT3001	Quản trị chiến lược	3
15	Quản trị kinh doanh	FIN5009N	Quản trị tài chính	3	6	Quản trị nhân lực	FIN3006	Quản trị tài chính	3
16	Quản trị kinh doanh	HRM5001N	Hành vi tổ chức	3	3	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
17	Quản trị kinh doanh	IBS5002N	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	4	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
18	Quản trị kinh doanh	FIN5009N	Quản trị tài chính	3	6	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	TOU3009	Quản trị tài chính DL & KS	3
19	Quản trị kinh doanh	RMD5001N	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	5	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
20	Quản trị kinh doanh	MGT5006N	Quản trị chiến lược	3	5	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	TOU3008	Chiến lược kinh doanh du lịch và khách sạn	3
21	Quản trị kinh doanh	RMD5001N	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	5	Kinh doanh thương mại	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
22	Quản trị kinh doanh	HRM5001N	Hành vi tổ chức	3	3	Kinh doanh thương mại	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
23	Quản trị kinh doanh	IBS5002N	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	4	Kinh doanh thương mại	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
24	Quản trị kinh doanh	FIN5009N	Quản trị tài chính	3	6	Kinh doanh thương mại	FIN3006	Quản trị tài chính	3
25	Quản trị kinh doanh	MGT5006N	Quản trị chiến lược	3	5	Kinh doanh thương mại	MGT3001	Quản trị chiến lược	3

TT	Học phần thạc sĩ tích hợp					Học phần được xét miễn học, công nhận, chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo đại học			
	CTĐT thạc sĩ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến trong CTĐT đại học	CTĐT đại học	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ
26	Quản trị kinh doanh	HRM5001N	Hành vi tổ chức	3	3	Quản trị khách sạn	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
27	Quản trị kinh doanh	IBS5002N	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	4	Quản trị khách sạn	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
28	Quản trị kinh doanh	FIN5009N	Quản trị tài chính	3	6	Quản trị khách sạn	TOU3009	Quản trị tài chính DL & KS	3
29	Quản trị kinh doanh	RMD5001N	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	5	Quản trị khách sạn	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
30	Quản trị kinh doanh	MGT5006N	Quản trị chiến lược	3	5	Quản trị khách sạn	TOU3008	Chiến lược kinh doanh du lịch và khách sạn	3
31	Quản trị kinh doanh	RMD5001N	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	5	Marketing	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
32	Quản trị kinh doanh	MKT5002N	Quản trị marketing	3	5	Marketing	MKT3001	Quản trị marketing	3
33	Quản trị kinh doanh	MKT5003N	Quản trị thương hiệu	3	6	Marketing	MKT3005	Quản trị thương hiệu	3
34	Quản trị kinh doanh	IBS5002N	Quản trị kinh doanh quốc tế	3	4	Marketing	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
35	Quản trị kinh doanh	HRM5001N	Hành vi tổ chức	3	3	Marketing	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
36	Kế toán	AUD5004N	Kiểm soát quản lý	3	5	Kế toán	AUD3004	Kiểm soát nội bộ	3
37	Kế toán	AUD5004U	Phương pháp nghiên cứu trong kế toán	3	5	Kế toán	RMD300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
38	Kế toán	ACC5024N	Đo lường và đánh giá hiệu quả	3	5	Kế toán	ACC3012	Kế toán chi phí	3
39	Kế toán	ACC5019N	Kế toán và tài chính khu vực công	3	6	Kế toán	ACC3016	Chuẩn mực kế toán công	3

TT	Học phần thạc sĩ tích hợp					Học phần được xét miễn học, công nhận, chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo đại học			
	CTĐT thạc sĩ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến trong CTĐT đại học	CTĐT đại học	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ
40	Kế toán	ACC5022N	Phân tích dữ liệu trong kế toán và kỹ năng nghề nghiệp	3	6	Kế toán	ACC3014	Phân tích dữ liệu trong kế toán	3
41	Kế toán	AUD5004N	Kiểm soát quản lý	3	3	Kiểm toán	AUD3004	Kiểm soát nội bộ	3
42	Kế toán	RMD5005N	Phương pháp nghiên cứu trong kế toán	3	5	Kiểm toán	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
43	Kế toán	ACC5024N	Đo lường và đánh giá hiệu quả	3	6	Kiểm toán	ACC3012	Kế toán chi phí	3
44	Kế toán	ACC5022N	Phân tích dữ liệu trong kế toán và kỹ năng nghề nghiệp	3	6	Kiểm toán	ACC3014	Phân tích dữ liệu trong kế toán	3
45	Kế toán	ACC5019N	Kế toán và tài chính khu vực công	3	6	Kiểm toán	ACC2004	Kế toán hành chính sự nghiệp	3
46	Tài chính - Ngân hàng	STA5006N	Kinh tế lượng	3	5	Tài chính - Ngân hàng	FIN3010	Mô hình tài chính ứng dụng	3
47	Tài chính - Ngân hàng	FIN5002N	Quản trị danh mục đầu tư	3	5	Tài chính - Ngân hàng	FIN3002	Đầu tư tài chính	3
48	Tài chính - Ngân hàng	BAN5006N	Phân tích tín dụng	3	6	Tài chính - Ngân hàng	BAN3007	Phân tích tín dụng và cho vay	3
49	Tài chính - Ngân hàng	RMD5001N	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	3	6	Tài chính - Ngân hàng	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
50	Tài chính - Ngân hàng	FIN5011N	Quản trị rủi ro tài chính	3	7	Tài chính - Ngân hàng	FIN3009	Quản trị rủi ro tài chính	3
51	Kinh tế phát triển	ECO5009N	Kinh tế phát triển	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)	ECO2002	Kinh tế Phát triển	3
52	Kinh tế phát triển	ECO5018N	Kinh tế quốc tế	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)	IBS2002	Kinh tế Quốc tế	3

TT	Học phần thạc sĩ tích hợp					Học phần được xét miễn học, công nhận, chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo đại học			
	CTĐT thạc sĩ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến trong CTĐT đại học	CTĐT đại học	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ
53	Kinh tế phát triển	ECO5010N	Kinh tế vùng	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)	ECO3020	Kinh tế Vùng	3
54	Kinh tế phát triển	ECO5004N	Kinh tế đầu tư	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)	ECO3015	Kinh tế Đầu tư	3
55	Kinh tế phát triển	ECO5007N	Kinh tế môi trường	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)	ECO2003	Kinh tế môi trường	3
56	Kinh tế phát triển	ECO5009N	Kinh tế Phát triển	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	ECO2002	Kinh tế Phát triển	3
57	Kinh tế phát triển	ECO5018N	Kinh tế Quốc tế	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	IBS2002	Kinh tế Quốc tế	3
58	Kinh tế phát triển	ECO5004N	Kinh tế đầu tư	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	ECO3015	Kinh tế Đầu tư	3
59	Kinh tế phát triển	ECO5007N	Kinh tế môi trường	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	ECO2003	Kinh tế môi trường	3
60	Kinh tế phát triển	ECO5010N	Kinh tế vùng	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	ECO3020	Kinh tế Vùng	3
61	Kinh tế phát triển	ECO5009N	Kinh tế phát triển	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế quốc tế)	ECO2002	Kinh tế Phát triển	3
62	Kinh tế phát triển	ECO5018N	Kinh tế quốc tế	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế quốc tế)	IBS2002	Kinh tế Quốc tế	3
63	Kinh tế phát triển	ECO5016N	Đầu tư quốc tế và Phát triển	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế quốc tế)	ECO3033	Đầu tư quốc tế và Phát triển	3

TT	Học phần thạc sĩ tích hợp					Học phần được xét miễn học, công nhận, chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo đại học			
	CTĐT thạc sĩ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến trong CTĐT đại học	CTĐT đại học	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ
64	Kinh tế phát triển	ECO5007N	Kinh tế môi trường	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế quốc tế)	ECO2003	Kinh tế môi trường	3
65	Kinh tế phát triển	ECO5014N	Kinh tế nguồn nhân lực	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế quốc tế)	ECO3035	Kinh tế nguồn nhân lực	3
66	Quản lý kinh tế	ECO5009N	Kinh tế phát triển	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)	ECO2002	Kinh tế Phát triển	3
67	Quản lý kinh tế	ECO5010N	Kinh tế vùng	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)	ECO3020	Kinh tế Vùng	3
68	Quản lý kinh tế	ECO5004N	Kinh tế đầu tư	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)	ECO3015	Kinh tế Đầu tư	3
69	Quản lý kinh tế	ECO5013N	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
70	Quản lý kinh tế	ECO5007N	Kinh tế môi trường	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế phát triển)	ECO2003	Kinh tế môi trường	3
71	Quản lý kinh tế	ECO5009N	Kinh tế Phát triển	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	ECO2002	Kinh tế Phát triển	3
72	Quản lý kinh tế	ECO5013N	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
73	Quản lý kinh tế	ECO5004N	Kinh tế đầu tư	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	ECO3015	Kinh tế Đầu tư	3
74	Quản lý kinh tế	ECO5007N	Kinh tế môi trường	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	ECO2003	Kinh tế môi trường	3

TT	Học phần thạc sĩ tích hợp					Học phần được xét miễn học, công nhận, chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo đại học			
	CTĐT thạc sĩ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến trong CTĐT đại học	CTĐT đại học	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ
75	Quản lý kinh tế	ECO5010N	Kinh tế vùng	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế đầu tư)	ECO3020	Kinh tế Vùng	3
76	Quản lý kinh tế	ECO5009N	Kinh tế phát triển	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế quốc tế)	ECO2002	Kinh tế Phát triển	3
77	Quản lý kinh tế	ECO5004N	Kinh tế Đầu tư	3	5	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế quốc tế)	ECO3033	Đầu tư quốc tế và Phát triển	3
78	Quản lý kinh tế	ECO5013N	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế quốc tế)	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
79	Quản lý kinh tế	ECO5007N	Kinh tế môi trường	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế quốc tế)	ECO2003	Kinh tế môi trường	3
80	Quản lý kinh tế	ECO5014N	Kinh tế nguồn nhân lực	3	6	Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế quốc tế)	ECO3035	Kinh tế nguồn nhân lực	3
81	Thống kê kinh tế	SMT5001N	Triết học	3	5	Thống kê kinh tế	SMT1005	Triết học Mác - Lênin	3
82	Thống kê kinh tế	STA5006N	Kinh tế lượng	3	5	Thống kê kinh tế	STA3001	Kinh tế lượng	3
83	Thống kê kinh tế	STA5015N	Phương pháp điều tra	3	5	Thống kê kinh tế	STA3005	Phương pháp điều tra	3
84	Thống kê kinh tế	STA5013N	Phân tích dãy số thời gian và dự báo	3	6	Thống kê kinh tế	STA3008	Phân tích dãy số thời gian và dự báo	3
85	Thống kê kinh tế	RMD5003N	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế	3	6	Thống kê kinh tế	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
86	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5004N	Hệ quản trị CSDL nâng cao	3	4	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Tin học quản lý)	MIS3008	Quản trị cơ sở dữ liệu	3

TT	Học phần thạc sĩ tích hợp					Học phần được xét miễn học, công nhận, chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo đại học			
	CTĐT thạc sĩ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến trong CTĐT đại học	CTĐT đại học	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ
87	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5015N	Phân tích và thiết kế HTTT nâng cao	3	5	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Tin học quản lý)	MIS3007	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3
88	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5002N	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin cho nhà quản lý	3	5	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Tin học quản lý)	MIS3003	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3
89	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5001N	Quản trị dự án công nghệ thông tin nâng cao	3	6	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Tin học quản lý)	MIS3004	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3
90	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5005N	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp nâng cao	3	6	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Tin học quản lý)	MIS3011	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3
91	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5002N	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin cho nhà quản lý	3	3	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin)	MIS3003	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3
92	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5004N	Hệ quản trị CSDL nâng cao	3	4	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin)	MIS3008	Quản trị cơ sở dữ liệu	3
93	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5015N	Phân tích và thiết kế HTTT nâng cao	3	5	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin)	MIS3007	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3
94	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5001N	Quản trị dự án công nghệ thông tin nâng cao	3	6	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin)	MIS3004	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3
95	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5005N	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp nâng cao	3	6	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin)	MIS3011	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3

TT	Học phần thạc sĩ tích hợp					Học phần được xét miễn học, công nhận, chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo đại học			
	CTĐT thạc sĩ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến trong CTĐT đại học	CTĐT đại học	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ
96	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5004N	Hệ quản trị CSDL nâng cao	3	4	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh)	MIS3008	Quản trị cơ sở dữ liệu	3
97	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5015N	Phân tích và thiết kế HTTT nâng cao	3	5	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh)	MIS3007	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3
98	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5002N	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin cho nhà quản lý	3	5	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh)	MIS3003	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3
99	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5005N	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp nâng cao	3	6	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh)	MIS3011	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3
100	Hệ thống thông tin quản lý	MIS5001N	Quản trị dự án công nghệ thông tin nâng cao	3	6	Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh)	MIS3004	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3
101	Triết học	SMT5011N	Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh	3	5	Quản lý nhà nước (Chuyên ngành Hành chính công)	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
102	Triết học	SMT5023N	Quản lý nhà nước về tôn giáo và dân tộc	3	5	Quản lý nhà nước (Chuyên ngành Hành chính công)	SMT3026	Quản lý nhà nước về tôn giáo và dân tộc	2
103	Triết học	SMT5024N	Quản lý nhà nước về văn hóa	3	6	Quản lý nhà nước (Chuyên ngành Hành chính công)	SMT3023	Quản lý nhà nước về văn hóa	2
104	Triết học	SMT5026N	Đạo đức công vụ	3	6	Quản lý nhà nước (Chuyên ngành Hành chính công)	SMT3018	Đạo đức công vụ	2

TT	Học phần thạc sĩ tích hợp					Học phần được xét miễn học, công nhận, chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo đại học			
	CTĐT thạc sĩ	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Học kỳ dự kiến trong CTĐT đại học	CTĐT đại học	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ
105	Triết học	SMT5015N	Phương pháp luận nghiên cứu và giảng dạy triết học	2	7	Quản lý nhà nước (Chuyên ngành Hành chính công)	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2